

BIỂU TỔNG HỢP
Kết quả kiểm tra rừng trồng giai đoạn 2021-2024

(Kèm theo Báo cáo /BC-BCĐ, ngày tháng 4 năm 2026 của Ban chỉ đạo

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích (ha)	Loại cây giống	(%) diện tích còn sống	Diện tích chuyển đổi trồng cao su	Diện tích rừng còn sống
Năm 2021		Ngọc Réo (cũ)					
1	A Miên	Thôn Đăk Têg	1,54	Keo	90		1,386
2	A Nghiêng	Thôn Đăk Têg	0,89	Keo	80		0,712
3	A Ngui	Thôn Đăk Têg	1,12	Keo	50		0,56
4	A Nhân	Thôn Đăk Têg	1,38	Keo	10		0,138
5	A Teng	Thôn Đăk Têg	1,8	Keo	0		0
6	A Thắng	Thôn Đăk Têg	0,8	Keo	0		0
7	U Lề	Thôn Đăk Têg	1,57	Keo	0		0
8	U Đen	Thôn Kon Rôn	1,12	Keo	0		0
9	U Juông	Thôn Kon Rôn	0,97	Keo	0		0
10	U Nam Huế	Thôn Kon Rôn	0,75	Keo	0		0
11	U Nhe	Thôn Kon Rôn	2,01	Keo	80		1,608
12	U Piên	Thôn Kon Rôn	0,6	Keo	30		0,18
13	U Rốp	Thôn Kon Rôn	0,91	Keo	40		0,364
14	U Đen	Thôn Kon Rôn	1,12	Keo	0		0
15	Y Xoái	Thôn Kon Rôn	2,2	Keo	70		1,54
16	U Vét	Thôn Kon Rôn	0,4	Keo	70		0,28
17	Hoàng Công Nghĩa	Thôn Kon Jong	1,26	Keo	40		0,504

18	A Thi	Thôn Kon Krók	2,71	Keo	5		0,1355
19	A Thông	Thôn Kon Krók	0,98	Keo	100	0,98	0,98
20	A Trung	Thôn Kon Krók	1,35	Keo	35		0,4725
21	Nay Bui	Thôn Kon Krók	2,52	Keo	65		1,638
	Cộng		27,65		37,97	0,98	10,50
Năm 2022		Ngọc Réo (cũ)					
1	U Thương	Thôn Kon Rôn	2,8	Keo	50		1,4
2	Bùi Văn Trục	Thôn Kon Rôn	0,8	Keo	40		0,32
3	U Nhe	Thôn Kon Rôn	0,6	Keo	80		0,48
4	U Nhe	Thôn Kon Rôn	1,0	Keo	50		0,5
5	U Lối	Thôn Kon Rôn	1,0	Keo	0		0
6	U Dơng	Thôn Kon Rôn	0,8	Keo	0		0
7	U Dơng	Thôn Kon Rôn	2,2	Keo	0		0
8	U Đầm	Thôn Kon Rôn	2,4	Keo	0		0
9	Y Xoái	Thôn Kon Rôn	0,6	Dổi	0		0
10	A HVan	Thôn Kon Rôn	0,6	Dổi	0		0
11	A Nghi	Thôn Kon Rôn	1,0	Dổi	0		0
12	U Nhiều	Thôn Kon Rôn	1,3	Dổi	0		0
13	Võ Thanh Tùng	Thôn Kon Rôn	3,3	Keo	80		2,64
14	Võ Thanh Tùng	Thôn Kon Rôn	3,0	Keo	80		2,4
15	A Nghi	Thôn Kon Rôn	0,7	Dổi	0		0
16	Lê Hải Lực	Thôn Kon Rôn	0,6	Dổi	0		0
17	U Luân	Thôn Kon Rôn	0,7	Dổi	0		0
18	U Luân	Thôn Kon Rôn	1,6	Dổi	0		0
19	U Nhuận	Thôn Kon Rôn	1,1	Dổi	0		0

20	U Chít	Thôn Kon Rôn	0,9	Dổi	0		0
21	U Tum	Thôn Kon Rôn	0,4	Dổi	0		0
22	U Tum	Thôn Kon Rôn	1,1	Dổi	0		0
23	U Soát	Thôn Kon Rôn	1,1	Dổi	0		0
24	A Ái	Đăk Têg	1,0	Keo	70		0,7
25	A Wiên	Thôn Đăk Têg	1,3	Keo	100		1,3
26	Y Non	Thôn Đăk Têg	1,0	Keo	0		0
27	A Bé	Thôn Đăk Têg	0,4	Keo	40		0,16
28	Đào Duy Linh	Thôn Đăk Têg	0,5	Keo	100		0,5
29	Y Non	Thôn Đăk Têg	1,0	Keo	0		0
30	A Nghiên	Thôn Đăk Têg	2,2	Keo	80		1,76
31	A Son	Thôn Đăk Têg	0,7	Keo	0		0
32	A Rin	Thôn Đăk Têg	0,8	Keo	0		0
33	A Nguyên	Thôn Đăk Têg	0,4	Keo	0		0
34	A Khai	Thôn Đăk Têg	1,6	Keo	0		0
35	U Diêm	Thôn Đăk Têg	1,5	Keo	0		0
36	A Hùng	Thôn Đăk Têg	1,2	Keo	0		0
37	A Nguyệt	Thôn Đăk Têg	0,5	Keo	100		0,5
38	A Beo	Thôn Đăk Têg	1,4	Keo	0		0
39	Đào Duy Linh	Thôn Đăk Têg	2,0	Keo	100		2
40	A Beo	Thôn Đăk Têg	0,3	Keo	0		0
41	A Bé	Thôn Đăk Têg	1,2	Keo	60		0,72
42	Lê Văn Tân	Thôn Đăk Têg	1,1	Keo	0		0
43	A Lầu	Thôn Đăk Têg	2,0	Keo	0		0
44	A Lung	Thôn Đăk Têg	0,9	Keo	0		0
45	A Quyết	Thôn Đăk Têg	0,7	Keo	0		0

46	A Teng	Thôn Đăk Têg	0,4	Dổi	0		0
47	A Ngui	Thôn Đăk Têg	0,8	Keo	0		0
48	Nguyễn Quang Minh	Đăk Têg	4,28	Dổi	0		0
49	A Vi	Thôn Kon Stiu	1	Keo	0		0
50	Y Tuyết	Thôn Kon Jong	0,4	Keo	0		0
Tổng			60,0		25,63	0	15,38
Ngọc Wang (cũ)							
1	A Phúc	Thôn Đăk Duông	1,5	Keo	60		0,9
2	A Đăk	Thôn Đăk Duông	0,5	Keo	0		0
3	A Đăk	Thôn Đăk Duông	0,5	Keo	0		0
4	A Đoang	Thôn Đăk Duông	1	Keo	0		0
5	Nguyễn Long Hưng	Thôn Kon Stiu 2	1,5	Keo	20		0,3
6	Nguyễn Long Hưng	Thôn Kon Stiu 2	0,7	Keo	20		0,14
7	A Hậu	Thôn Đăk Duông	0,8	Keo	0		0
8	A Niên	Thôn Kon Jơ Ri	2	Keo	40		0,8
9	A Rê	Thôn Đăk Duông	0,7	Keo	0		0
10	A Xun	Thôn Đăk Duông	0,7	Keo	0		0
11	A Hiệp	Thôn Đăk Duông	0,6	Keo	0		0
12	A Trung	Thôn Đăk Duông	1,2	Keo	0		0
13	A Lang	Thôn Đăk Duông	0,7	Keo	0		0
14	Nguyễn Long Hưng	Thôn Kon Stiu 2	4,3	Keo	20		0,86
15	A Mạnh	Thôn Kon Jơ Ri	1	Keo	60		0,6
16	A Mễng	Thôn Đăk Duông	0,7	Keo	0		0
17	A Phái	Thôn Đăk Duông	1,3	Keo	0		0
18	A Nếp	Thôn Đăk Duông	2,3	Keo	35		0,805
19	A Đăk	Thôn Đăk Duông	0,5	Keo	0		0

20	A Quân	Thôn Đăk Duông	1,5	Keo	0		0
21	A Phương B	Thôn Đăk Duông	1	Keo	20		0,2
22	A In	Thôn Đăk Duông	1,7	Keo	100	1,7	1,7
23	A Ham (A Hem)	Thôn Đăk Duông	2,8	Keo	100	2,8	2,8
24	A Bao	Thôn Đăk Duông	1	Keo	100	1	1
25	A Tên	Thôn Đăk Duông	1	Keo	100	1	1
26	A Thun	Thôn Kon Gu 1	0,5	Keo	0		0
27	Y Khai	Thôn Đăk Duông	1	Keo	0		0
28	Y Nhar	Thôn Kon Stiu 2	0,5	Keo	0		0
29	A Phú	Thôn Đăk Duông	0,5	Keo	0		0
30	Y Vối	Thôn Đăk Duông	0,7	Keo	0		0
31	A Thảo	Thôn Đăk Duông	0,5	Keo	0		0
32	A Trường	Thôn Đăk Duông	0,4	Keo	0		0
33	A Trường	Thôn Đăk Duông	1	Keo	0		0
34	A Nhứt	Thôn Kon Jơ Ri	1,3	Keo	0		0
35	A Ran	Thôn Kon Jơ Ri	1,6	Keo	0		0
36	A Vôn	Đăk La	4,2	Keo	0		0
37	A Hoàng	Thôn Đăk Duông	0,8	Keo	0		0
Tổng			44,5		24,96	6,5	11,105
Năm 2023		Ngọc Réo (cũ)					
1	A Đeo	Đăk Têng	0,64	Lôi Thọ	80		0,512
2	A Huyền	Đăk Têng	0,53	Lôi Thọ	100	0,53	0,53
3	A Lợi	Đăk Têng	1,39	Lôi Thọ	80		1,112
4	A Ruih	Đăk Têng	0,34	Lôi Thọ	80		0,272
5	A Phước	Kon Hơ Drế	0,64	Lôi Thọ	95		0,608
6	A Hmiu	Kon Jong	1,28	Lôi Thọ	90		1,152

7	A Tân	Kon Jong	4,30	Lôi Thọ	60		2,58
8	A Vồng	Kon Jong	0,40	Lôi Thọ	60		0,24
			0,24	Lôi Thọ	60		0,144
9	A Nguyên	Kon Rôn	0,68	Lôi Thọ	60		0,408
10	U Nam	Kon Rôn	0,17	Lôi Thọ	60		0,102
			0,83	Lôi Thọ	60		0,498
11	U Văn Đình	Kon Rôn	1,38	Lôi Thọ	65		0,897
12	A Điệp	Kon Stiu	0,52	Lôi Thọ	60		0,312
13	A Khải	Kon Stiu	0,77	Lôi Thọ	40		0,308
			0,13	Lôi Thọ	40		0,052
14	A Plô	Kon Stiu	2,36	Lôi Thọ	0		0
15	A Ren	Kon Stiu	1,72	Lôi Thọ	50		0,86
			0,85	Lôi Thọ	50		0,425
16	A Sốt	Kon Stiu	1,09	Lôi Thọ	70		0,763
			3,00	Lôi Thọ	70		2,1
Tổng cộng			23,26		59,65	0,53	13,875
NgokWang (cũ)							
1	A In	Thôn Đăk Duông	0,68	Keo	100	0,68	0,68
			0,40	Keo	100	0,40	0,4
2	A Nguyên	Thôn Đăk Duông	1,81	Keo	0		0
3	A Thảo	Thôn Đăk Duông	1,08	Keo	0		0
4	U Hoát	Thôn Đăk Duông	0,44	Keo	0		0
5	A Hoàng	Thôn Đăk Duông	1,06	Keo	0		0
			0,31	Keo	80		0,248
6	A Hùng	Thôn Đăk Duông	0,40	Keo	0		0

7	A Phai	Thôn Đăk Duông	0,91	Keo	0		0
			1,40	Keo	0		0
8	A Trung (a)	Thôn Đăk Duông	0,43	Keo	0		0
9	A Trung (b)	Thôn Đăk Duông	0,99	Keo	0		0
10	A Vũ	Thôn Đăk Duông	1,07	Keo	0		0
11	Y Nam	Thôn Đăk Duông	1,58	Keo	0		0
12	Y Vôi	Thôn Đăk Duông	0,58	Keo	100	0,58	0,58
13	A Gặp	Thôn Kon Jri	0,05	Keo	0		0
			0,33	Keo	0		0
14	A Minh	Thôn Kon Jri	0,36	Keo	0		0
15	Y Luôr	Thôn Kon Jri	0,31	Keo	0		0
16	A Druôt	Kon Gu I	1,21	Keo	0		0
Tổng cộng			15,40		12,39	1,66	1,908
Năm 2024		Ngọc Réo (cũ)					
1	A Nin	Kon Jong	0,71	Lôi thọ	50		0,355
2	A Tài	Kon Jong	0,7	Lôi thọ	90		0,63
3	Y lý	Kon Jong	0,8	Lôi thọ	90		0,72
4	A Kring	Kon Krót	1,22	Lôi thọ	65		0,793
5	A Trương	Kon Krót	1,72	Lôi thọ	80		1,376
6	U Đang	Kon Rôn	0,6	Lôi thọ	70		0,42
7	U Hữu	Kon Rôn	0,7	Lôi thọ	70		0,49
8	U Lộc	Kon Rôn	1,43	Lôi thọ	75		1,0725
9	U Luân	Kon Rôn	0,67	Lôi thọ	65		0,4355
10	U Mốc	Kon Rôn	0,62	Lôi thọ	65		0,403
11	Y Nghiên	Kon Rôn	0,46	Lôi thọ	80		0,368

12	Y Lạc Giao	Kon Stiú	0,93	Lỗi thọ	75		0,6975
Tổng cộng			10,56		73,49	0	7,7605
Tổng cộng cả giai đoạn 2021-2024			181,37		27,58	9,67	50,03